

Bản án số: **211/2026/DS-ST**
Ngày: 31– 7– 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sáu
2. Ông Võ Tấn Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn , là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 243/2026/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2026, về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** (nay là **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1**). Địa chỉ trụ sở: Số B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Diệp Lâm Thảo Q, chức vụ: Giám đốc Phòng G thuộc Chi nhánh B - Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S1; địa chỉ: Số D Quốc lộ A, ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền số 718/2026/QĐ-PC ngày 03/3/2026 và số 2292/2026/QĐ.LEG ngày 01/6/2026), (vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà **Phan Thị Thúy P**, sinh ngày 26/01/1978. Căn cước số: 095178000323. Địa chỉ: Ấp L (nay là ấp L), xã H, tỉnh Cà Mau, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2026 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1), người đại diện hợp pháp theo ủy quyền bà Diệp Lâm Thảo Q trình bày:

Ngân hàng TMCP S Chi nhánh B – Phòng G (sau đây gọi là Ngân hàng) có ký kết với bà Phan Thị Thúy P Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Phiếu đăng ký kèm hợp đồng sử dụng dịch vụ; Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân). Căn cứ thu nhập của bà Phan Thị Thúy P, ngày 13/03/2024 Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 28/05/2026, bà P đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 25.700.000 đồng, bà P đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 17.247.116 đồng. Tính đến ngày 31/7/2026, bà P còn nợ Ngân hàng số tiền 25.863.959 đồng, trong đó nợ gốc 19.986.771 đồng; lãi quá hạn 3.391.252 đồng; phí 2.485.936 đồng.

Do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 5 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân của Ngân hàng. Ngày 22/12/2025, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 6 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân của Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc và yêu cầu bà P có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1) yêu cầu bà P phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2026 là 25.863.959 đồng, trong đó nợ gốc 19.986.771 đồng; lãi quá hạn 3.391.252 đồng; phí 2.485.936 đồng và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 01/8/2026 đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà Phan Thị Thúy P từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, bà P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến nên Tòa án không có lời khai của bà P. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1, buộc bà P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 19.986.771 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thanh toán xong nợ. Về án phí, bà P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 17 tháng 4 năm 2026 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1) nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà Phan Thị Thúy P thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng là tranh chấp về

hợp đồng theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ kết quả xác minh của Công an xã H, tỉnh Cà Mau ngày 30 tháng 7 năm 2026, thể hiện bà P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp L (nay là ấp L), xã H, tỉnh Cà Mau và không có thông tin chuyển khẩu đi nơi khác. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ngân hàng là bà Diệp Lâm Thảo Q có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Q theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà P đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào Phiếu đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ ngày 12/3/2024 giữa bà P với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Chi nhánh B - Phòng G, thể hiện Ngân hàng đã đồng ý phê duyệt cấp thẻ cho bà P với hạn mức thẻ tín dụng 20.000.000 đồng, mức lãi suất 33,20%/năm.

[3.1] Theo mục 2.2 Điều 2 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân thể hiện: Chủ thẻ cam kết việc nhận Thẻ/thông tin T và/hoặc kích hoạt Thẻ/PIN theo các phương thức mà S2 áp dụng từng thời kỳ do chính chủ thẻ thực hiện và chủ thẻ hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các giao dịch phát sinh sau thời điểm kích hoạt Thẻ.

[3.2] Tại Tóm tắt sao kê ngày 31/7/2026 của Ngân hàng thể hiện quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ ngày 22/3/2024 đến ngày 22/3/2025, bà P đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 25.700.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền là 17.247.116 đồng; tính đến ngày 31/7/2026 bà P còn nợ tiền gốc 19.986.771 đồng, lãi quá hạn 3.391.252 đồng, phí 2.485.936 đồng, tổng cộng gốc, lãi, phí là 25.863.959 đồng.

[3.3] Theo khoản 6 Điều 15 Thông số 18/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng quy định: “Khi sử dụng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ được thấu chi, chủ thẻ phải sử dụng tiền đúng mục đích đã cam kết và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho tổ chức phát hành thẻ các khoản nợ gốc và lãi, phí phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo hợp đồng đã giao kết tổ chức phát hành thẻ”. Do bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 31/7/2026 là 25.863.959 đồng, trong đó nợ gốc 19.986.771 đồng, lãi quá hạn 3.391.252 đồng, phí 2.485.936 đồng, và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 01/8/2026 theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong nợ.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu 5% của số tiền 25.863.959 đồng là 1.293.198 đồng. Ngân hàng đã dự nộp số tiền 576.193 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005660 ngày 07/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được hoàn lại số tiền 576.193 đồng.

[5] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 463 Bộ luật Dân sự; Điều 100, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1) đối với bà Phan Thị Thúy P, về yêu cầu bà Phan Thị Thúy P thanh toán tiền gốc, lãi tính đến ngày 31/7/2026 là 25.863.959 đồng (hai mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm năm mươi chín đồng), trong đó nợ gốc 19.986.771 đồng (mười triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi một đồng); lãi quá hạn 3.391.252 đồng (ba triệu ba trăm chín mươi một nghìn hai trăm năm mươi hai đồng); phí 2.485.936 đồng (hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng)

2. Buộc bà Phan Thị Thúy P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1) (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1, Chi nhánh B - Phòng G nhận theo hợp đồng đã ký kết) số tiền gốc, lãi tính đến ngày 31/7/2026 là 25.863.959 đồng (hai mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm năm mươi chín đồng), trong đó nợ gốc 19.986.771 đồng (mười triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi một đồng); lãi quá hạn 3.391.252 đồng (ba triệu ba trăm chín mươi một nghìn hai trăm năm mươi hai đồng); phí 2.485.936 đồng (hai triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Phan Thị Thúy P còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn, phí phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1) (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1, Chi nhánh B - Phòng G nhận theo hợp đồng đã ký kết) theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1) thì lãi suất mà bà Phan Thị Thúy P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1) theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1).

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Thúy P phải chịu và nộp số tiền 1.293.198 đồng (một triệu hai trăm chín mươi ba nghìn một trăm chín mươi tám đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1) đã dự nộp số tiền 576.193 đồng (năm trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005660 ngày 07/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được hoàn lại số tiền 576.193 đồng (năm trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi ba đồng).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Trang Thảo